BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Số: 841 /QĐ-ĐHXDMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Chi trả chế độ trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2022-2023 cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các Trường đào tạo công lập;

Căn cứ Nghị Quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHXDMT ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy định chính sách học bổng cho sinh viên chính quy trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Biên bản họp ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội, danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể lớp học kỳ II năm học 2022-2023 cho sinh viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh - sinh viên, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trả chế độ trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2022-2023 cho **12** sinh viên thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội (có danh sách kèm theo).

Trong đó:

- Sinh viên thuộc đối tượng chi trả trợ cấp xã hội: Con mồ côi, bản thân khuyết tật, gia đình thuộc hộ nghèo mức trợ cấp 100.000 đồng/tháng;
- Sinh viên thuộc đối tượng chi trả trợ cấp xã hội: Dân tộc ít người vùng cao mức trợ cấp 140.000 đồng/tháng;
- Số tháng được chi trả trợ cấp xã hội là 6 tháng.

Điều 2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, cố vấn học tập và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐT, Ban Giám hiệu (b/c);
- Như Điều 2;
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTHSSV, TCKT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TS. Phan Văn Huệ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CHI TRẢ TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

(kèm theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHXDMT ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền trung)

TT	Mã số SV	Họ và	Tên	Lớp	Đối tượng	Số tiền trợ cấp 01 tháng theo Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT	Số tháng được nhận	Số tiền được nhận 06 tháng	Tài khoản ATM Vietinbank	Ghi chú
1	20DQ5801011042	Phan Thị Bảo	Trân	D20KTR1	Con mồ côi (có trợ cấp)	100.000	6	600.000	107872995806	
2	22Q73401013074	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	D22QHC1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	101877406241	
3	22Q73401013050	Ung Thị Mỹ	Dung	D22QHC1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	108877406217	
4	21DQ3401011078	Nguyễn Thái	Bình	D21QHC1	Bản thân khuyết tật (tâm thầ	100.000	6	600.000	102875347762	
5	22Q73401013044	Vũ Quốc	Việt	D22QHC1	Con mồ côi (Hộ nghèo)	100.000	6	600.000	103877406236	
6	22Q73403012074	Nguyễn Thị Thu	Nhàn	D22KDC1	Bản thân khuyết tật (vận độr	100.000	6	600.000	108875992092	
7	22Q75801011028	Trượng Văn	Quyến	D22KTR1	DTIN (Hộ nghèo)	100.000	6	600.000	109877164960	
8	22Q73403012013	Đặng Thị Kim	Huệ	D22KDC1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	105877203383	
9	20DQ5802011009	Tô Văn	Lợi	D20XDK1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	104872917321	
10	20DQ5802011008	Rơ Nhất	Huy	D20XDK1	DTIN (vùng cao)	140.000	6	840.000	104872990626	
11	22Q75802011100	Ngô Văn	Thành	D22XDK1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	106877249610	
12	22Q75802011048	Huỳnh Thanh	Hoàng	D22XDK2	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	105877420320	
Tổng Cộng								7.440.000		

Bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn

Người lập	PHÒNG CÔNG TÁC HSSV	KẾ TOÁN TRƯỞNG	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Bình	Trịnh Tiến Dũng	Nguyễn Đình Đại	Phan Văn Huệ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CHI TRẢ TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

(kèm theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHXDMT ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền trung)

TT	Mã số SV	Họ và	Tên	Lớp	Đối tượng	Số tiền trợ cấp 01 tháng theo Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT	Số tháng được nhận	Số tiền được nhận 06 tháng	Ghi chú
1	20DQ5801011042	Phan Thị Bảo	Trân	D20KTR1	Con mồ côi (có trợ cấp)	100.000	6	600.000	
2	22Q73401013074	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	D22QHC1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	
3	22Q73401013050	Ung Thị Mỹ	Dung	D22QHC1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	
4	21DQ3401011078	Nguyễn Thái	Bình	D21QHC1	Bản thân khuyết tật (tâm thần)	100.000	6	600.000	
5	22Q73401013044	Vũ Quốc	Việt	D22QHC1	Con mồ côi (Hộ nghèo)	100.000	6	600.000	
6	22Q73403012074	Nguyễn Thị Thu	Nhàn	D22KDC1	Bản thân khuyết tật (vận động)	100.000	6	600.000	
7	22Q75801011028	Trượng Văn	Quyến	D22KTR1	DTIN (Hộ nghèo)	100.000	6	600.000	
8	22Q73403012013	Đặng Thị Kim	Huệ	D22KDC1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	
9	20DQ5802011009	Tô Văn	Lợi	D20XDK1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	
10	20DQ5802011008	Rơ Nhất	Huy	D20XDK1	DTIN (vùng cao)	140.000	6	840.000	
11	22Q75802011100	Ngô Văn	Thành	D22XDK1	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	
12	22Q75802011048	Huỳnh Thanh	Hoàng	D22XDK2	Hộ nghèo 31/12/2023	100.000	6	600.000	
Tổng Cộng								**7.440.000**	

Bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn

Người lập	PHÒNG CÔNG TÁC HSSV	KẾ TOÁN TRƯỞNG	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Bình	Trịnh Tiến Dũng	Nguyễn Đình Đại	Phan Văn Huệ